

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 729/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Chương trình truyền thông
về biển và đại dương đến năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về Kế hoạch tổng thể và Kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình truyền thông về biển và đại dương đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình) với các nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Thực hiện đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về biển, hải đảo, phát triển bền vững kinh tế biển nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, tạo sự đồng thuận, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, nhân dân, đồng bào ta ở nước ngoài và cộng đồng quốc tế trong công cuộc bảo vệ biển, đảo và phát triển bền vững kinh tế biển.

2. Bảo đảm hiệu quả công tác truyền thông, thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, thực chất, gắn với thực tiễn từng ngành, địa phương, vùng miền và từng thời điểm; đổi mới và đa dạng hóa nội dung, phương pháp truyền thông theo hướng đồng bộ và toàn diện, hiện đại, đa phương tiện, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm theo và phù hợp từng nhóm đối tượng.

3. Huy động mọi nguồn lực thực hiện công tác truyền thông về biển và đại dương: ngân sách nhà nước, xã hội hóa, hợp tác công - tư, hợp tác quốc tế; phát huy tối đa nội lực trong nước, của từng cơ quan, đơn vị và địa phương. Bố trí ngân sách nhà nước với tỷ lệ tăng dần theo khả năng của ngân sách nhà nước và yêu cầu, nhiệm vụ truyền thông về biển và đại dương. Tạo sự phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan liên quan; sự tham gia chủ động, tích cực của các tổ chức chính trị - xã hội, các tầng lớp Nhân dân, người Việt Nam ở nước ngoài và bạn bè quốc tế trong công tác truyền thông về biển và đại dương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về biển, đảo, phát triển bền vững kinh tế biển được hiểu đúng, đầy đủ và toàn diện, từ đó củng cố được niềm tin, sự ủng hộ của cả hệ thống chính trị và người dân, thế hệ trẻ, doanh nghiệp, cộng đồng trong và ngoài nước đối với Đảng và Nhà nước trong sự nghiệp bảo vệ biển, đảo Tổ quốc và phát triển kinh tế biển. Cán bộ các cấp phải hiểu sâu, nắm chắc chính sách, pháp luật về biển và hải đảo.

b) Thông tin, kiến thức về biển và đại dương được truyền tải thường xuyên, liên tục, chính xác và hấp dẫn đến từng nhóm đối tượng; nhận diện và bác bỏ thông tin sai lệch, quan điểm sai trái, xuyên tạc về biển và đại dương; học sinh, sinh viên được trang bị kiến thức cơ bản; đại bộ phận người dân có hiểu biết về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của biển và đại dương đối với phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc, qua đó, động viên Nhân dân tích cực, chủ động tham gia các hoạt động bảo vệ biển và đại dương.

c) Nội dung và hình thức truyền thông được đổi mới, sáng tạo, đa dạng hóa; sử dụng công nghệ truyền thông hiện đại, đa phương tiện, đa loại hình, đa ngôn ngữ (với các cơ quan báo chí đối ngoại); tạo sự tương tác hiệu quả giữa chủ thể và đối tượng được truyền thông, sự tham gia rộng rãi của các tổ chức, cá nhân và cộng đồng trong nước và quốc tế; hình thành được ý thức trách nhiệm tham gia truyền thông về biển và đại dương của người dân, doanh nghiệp. Truyền được cảm hứng, niềm tự hào cho các tầng lớp Nhân dân về biển, đảo quê hương. Công tác truyền thông về biển và đại dương được triển khai hiệu quả, toàn diện, chặt chẽ, bài bản và có tính đột phá từ trung ương xuống đến từng xã, từng thôn, bản, ấp.

2. Một số chỉ tiêu cụ thể

a) Đến năm 2023, các bộ quản lý 06 ngành kinh tế biển được xác định trong Nghị quyết số 36-NQ/TW (du lịch và dịch vụ biển, kinh tế hàng hải, khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác, nuôi trồng và khai thác hải sản, công nghiệp ven biển, năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới); các Bộ: Thông tin và Truyền thông; Ngoại giao; Quốc phòng; Khoa học và Công nghệ; Giáo dục và Đào tạo; Lao động - Thương binh và Xã hội; Tư pháp; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoàn thành việc xây dựng, phê duyệt các kế hoạch truyền thông về biển và đại dương với các chỉ tiêu cụ thể theo đặc thù truyền thông của cơ quan, địa phương đó.

b) Đến năm 2025, 100% các cơ quan báo chí trung ương và địa phương, báo đối ngoại có chuyên trang, chuyên mục về biển và đại dương trên các sản phẩm thông tin (báo, bản tin, tạp chí in, trang thông tin điện tử, kênh phát thanh, truyền hình) của cơ quan; 100% các bộ, ngành có liên quan đến quản lý nhà nước về biển và hải đảo, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có chuyên mục về biển và đại dương trên trang thông tin điện tử của cơ quan.

c) Hằng năm, các địa phương có biển tổ chức các hoạt động cụ thể hưởng ứng Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, Ngày Đại dương Thế giới và báo cáo kết quả về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

d) Hằng năm, 100% phóng viên, biên tập viên, kỹ thuật viên, lãnh đạo cơ quan báo chí, những người làm công tác thông tin, tuyên truyền về các vấn đề liên quan đến biển và đại dương tại các cơ quan báo chí, truyền thông, xuất bản ở trung ương và địa phương, cán bộ thông tin cơ sở và thông tin đối ngoại được tập huấn, cập nhật về hệ thống chính sách, pháp luật, kiến thức cơ bản về biển và đại dương.

đ) Đến năm 2025 xây dựng được 01 Thư viện cấp ngành về biển và đại dương; đến năm 2030, xây dựng được 01 Bảo tàng chuyên về biển và đại dương.

e) Đến năm 2030, 100% các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân, tư thục và quốc tế thực hiện hoạt động truyền thông về biển và đại dương thông qua việc lồng ghép nội dung liên quan vào một số môn học chính khóa, hoạt động ngoại khóa phù hợp với cấp học, trình độ đào tạo.

g) Hằng năm, phần đầu hơn 80% các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội các cấp, các tập đoàn kinh tế lớn của Nhà nước tham gia hoạt động truyền thông về biển và đại dương (trực tiếp hoặc gián tiếp, tùy theo quy mô và tính chất hoạt động của các tổ chức, đơn vị).

III. PHẠM VI THỰC HIỆN VÀ ĐỐI TƯỢNG TRUYỀN THÔNG

1. Phạm vi thời gian: Chương trình được thực hiện đến năm 2030.

2. Phạm vi không gian: toàn quốc, các ban, bộ, ngành trung ương và địa phương, trong đó ưu tiên 28 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển; tại một số quốc gia có đông người Việt Nam sinh sống, làm việc và học tập; các quốc gia có quan hệ hữu nghị truyền thống với Việt Nam.

3. Phạm vi nội dung: tập trung truyền thông chính sách và pháp luật có liên quan đến biển, hải đảo (gồm cả luật pháp quốc tế); vị trí, vai trò, tầm quan trọng của biển và đại dương; quyền và lợi ích của Việt Nam trên Biển Đông; tài nguyên, môi trường biển, hải đảo; phát triển bền vững kinh tế biển.

4. Đối tượng truyền thông: cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang; người dân; doanh nghiệp; người Việt Nam ở nước ngoài; học sinh, sinh viên; người nước ngoài.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đánh giá, rà soát, điều chỉnh và ban hành mới các chính sách, pháp luật, chương trình, kế hoạch đề án, dự án truyền thông liên quan đến biển và đại dương nhằm bảo đảm phù hợp với các Nghị quyết của Đảng và Chương trình này.

a) Xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch, hoạt động truyền thông về biển và đại dương của các bộ, ngành và địa phương.

- Truyền thông chủ trương, chính sách, pháp luật về biển, hải đảo (ngay từ khi soạn thảo các dự án, dự thảo văn bản pháp luật về biển và đại dương); vị trí, vai trò của biển và đại dương đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, ngành và địa phương; tiềm năng, lợi thế, tình hình phát triển kinh tế biển Việt Nam gắn với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; bảo vệ tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển; truyền thống lịch sử, bản sắc văn hoá biển của người Việt qua các thời kỳ lịch sử.

- Truyền thông về nội hàm, mục tiêu, giải pháp phát triển bền vững 06 ngành kinh tế biển xác định trong Nghị quyết số 36-NQ/TW: du lịch và dịch vụ biển, kinh tế hàng hải, khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác, nuôi trồng và khai thác hải sản, công nghiệp ven biển, năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới.

b) Lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình này với các chương trình, đề án, dự án truyền thông, tuyên truyền khác có liên quan để triển khai có hiệu quả Chương trình.

2. Thực hiện đổi mới, đa dạng hóa hình thức và nội dung truyền thông về biển và đại dương

a) Đa dạng hóa hình thức truyền thông: trên các phương tiện thông tin đại chúng; truyền thông cá nhân; hệ thống thông tin cơ sở (hệ thống loa cấp xã, tranh cổ động, khẩu hiệu, v.v.); truyền thông trong các cơ sở giáo dục, đào tạo;

truyền thông kết hợp quảng bá du lịch và các hoạt động kinh tế biển khác; truyền thông qua các xuất bản phẩm, phim tài liệu, tư liệu, hội thảo chuyên đề, hội nghị phổ biến, tập huấn, sự kiện, triển lãm về biển và đại dương, Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, Ngày Đại dương Thế giới.

b) Chuyển đổi số từng bước phương thức truyền thông, số hoá các tư liệu tuyên truyền, sản xuất các sản phẩm truyền hình, truyền thông hiện đại, đa nền tảng, chất lượng cao, có thể tiếp cận và tương tác mọi lúc, mọi nơi thông qua mạng Internet.

c) Xây dựng, thiết kế nội dung, thông điệp truyền thông, sử dụng ngôn ngữ phù hợp với từng nhóm đối tượng, lưu ý khu vực và đối tượng đặc thù như vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn và các huyện đảo; đồng bào các dân tộc thiểu số và ngư dân có thời gian lao động trên biển dài ngày; đồng bào ta ở nước ngoài và cộng đồng quốc tế.

d) Suru tầm, thu thập, số hóa để xây dựng cơ sở dữ liệu về biển và đại dương để phục vụ công tác quản lý, nghiên cứu và truyền thông; tạo, khuyến khích phong trào xã hội học tập, tìm hiểu về biển và đại dương.

đ) Ngoài thông tin chung và cơ bản về biển và đại dương; lồng ghép vào nội dung truyền thông thông tin về nghiên cứu khoa học và công nghệ về biển và đại dương; kiến thức khoa học về các hệ sinh thái biển (đa dạng sinh học biển); hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

3. Tăng cường hợp tác và truyền thông quốc tế về biển và đại dương

a) Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức về hợp tác quốc tế về biển, đại dương, về phát triển bền vững kinh tế biển. Đa dạng hóa các loại hình, cách thức truyền thông về biển và hợp tác quốc tế về biển và đại dương; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục thông tin phù hợp và hiệu quả, chủ động phối hợp và hợp tác với các hãng truyền thông, kênh truyền thông quốc tế có uy tín để nâng cao hiệu quả các hoạt động truyền thông; phát huy vai trò của cộng đồng người Việt ở nước ngoài để quảng bá, truyền thông về biển và hải đảo Việt Nam.

b) Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục bằng tiếng nước ngoài về biển và đại dương trên các tờ báo, trang thông tin điện tử, kênh phát thanh, truyền hình đối ngoại.

c) Tổ chức các hội nghị quốc tế về pháp luật biển; thúc đẩy nghiên cứu khoa học biển và đại dương, tăng số lượng và chất lượng ấn phẩm quốc tế về biển và đại dương; bảo tồn đa dạng sinh học biển; khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, môi trường biển; xúc tiến đầu tư phát triển kinh tế biển và các diễn đàn, sự kiện quốc tế, khu vực có liên quan đến biển và đại dương.

d) Tổ chức các chương trình, sự kiện, triển lãm, cuộc thi, hội thi... thông tin đối ngoại về biển, đảo Việt Nam kết hợp với tuyên truyền, quảng bá hình ảnh đất nước, văn hóa, con người Việt Nam trong nước và nước ngoài.

đ) Huy động sự hỗ trợ tài chính, kỹ thuật, kinh nghiệm triển khai các chương trình truyền thông về biển và đại dương của các tổ chức quốc tế và chính phủ các nước.

4. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác truyền thông về biển và đại dương

a) Tổ chức tập huấn phổ biến kiến thức, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ về thông tin, truyền thông về tình hình biển, đảo phù hợp với từng đối tượng từ trung ương đến địa phương. Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và chính trị cho nhà báo, đội ngũ chuyên trách làm công tác truyền thông về biển, hải đảo, đặc biệt là kiến thức về các vấn đề pháp lý trong nước và quốc tế liên quan đến biển và đại dương.

b) Tạo phong trào toàn dân tham gia hưởng ứng các hoạt động truyền thông về biển và đại dương, gắn với các mục tiêu phát triển bền vững kinh tế biển, bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

c) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong các hoạt động của Chương trình nhằm lan tỏa rộng rãi thông tin đến mọi đối tượng, góp phần nâng cao hiệu quả truyền thông Chương trình.

d) Xây dựng hệ thống tài liệu tuyên truyền biển, đảo thống nhất về nội dung, đa dạng về hình thức, phù hợp với yêu cầu của nhiều đối tượng khác nhau, phát hành các tài liệu tuyên truyền kịp thời, có giá trị, tạo hiệu ứng tốt.

đ) Tổ chức tập huấn về hệ thống chính sách, pháp luật, kiến thức cơ bản về biển, hải đảo, đại dương cho đội ngũ giáo viên trực tiếp giảng dạy, truyền thông về biển và đại dương; xây dựng bộ tài liệu, chuyên đề, phụ lục sách giáo khoa về biển và đại dương cho các cấp học, các loại hình đào tạo.

5. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác truyền thông, huy động được mọi nguồn lực và phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và cộng đồng xã hội tham gia vào công tác truyền thông về biển và đại dương.

a) Phát huy vai trò của các cơ quan truyền thông đại chúng, tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể và cộng đồng, người có uy tín trong cộng đồng trong công tác truyền thông. Bảo đảm vai trò dẫn dắt, định hướng của các cơ quan truyền thông lớn của Nhà nước như Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam.

b) Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động truyền thông về biển và đại dương, đặc biệt là các doanh nghiệp (thông qua các biện pháp kinh tế hỗ trợ doanh nghiệp).

c) Xác định việc tham gia truyền thông về biển và đại dương; bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, hải đảo; phát triển bền vững kinh tế biển; bảo vệ chủ quyền biển, đảo Tổ quốc là trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (tiêu chí đánh giá doanh nghiệp).

6. Khen thưởng, động viên kịp thời các tổ chức cá nhân; ngăn chặn, xử lý thông tin sai lệch.

a) Kịp thời tuyên dương, nhân rộng các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

b) Nhận diện và tuyên truyền phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc, kích động của các thế lực thù địch, phản động về chủ quyền biển, đảo. Kịp thời phản ánh, phê phán, kiến nghị xử lý những quan điểm, hoạt động, hành vi trái với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về biển, hải đảo, cũng như luật pháp quốc tế về biển; hoạt động khai thác trái phép tài nguyên biển và vi phạm chủ quyền biển quốc gia.

c) Xây dựng và tổ chức các giải thưởng, cuộc thi truyền thông về biển và đại dương nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế tham gia các hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức về biển và đại dương.

7. Tăng cường kiểm tra, giám sát và sự phối hợp giữa các cơ quan trong hoạt động truyền thông.

a) Phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong việc tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ truyền thông gắn với các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam.

b) Nâng cao hiệu quả phối hợp, đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị trong tổ chức truyền thông, tuyên truyền, giáo dục và phổ biến thông tin về biển và đại dương, nhất là giữa trung ương và địa phương (xây dựng các chương trình phối hợp truyền thông giữa các cơ quan).

8. Danh mục một số đề án, dự án, nhiệm vụ nhằm triển khai thực hiện Chương trình nêu trong Phụ lục kèm theo Quyết định này. Ngoài Danh mục này, các cơ quan liên quan chủ động đề xuất, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ, đáp ứng nhu cầu, tình hình thực tiễn và phù hợp với quy định hiện hành.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Kinh phí thực hiện Chương trình do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách, được bố trí trong kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ truyền thông về biển và đại dương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác; trong đó:

1. Ngân sách trung ương bảo đảm chi cho các hoạt động thực hiện tại trung ương và hoạt động có tác động đến nhiều địa phương như đào tạo, tập huấn, hội nghị.

2. Ngân sách địa phương chi cho các hoạt động truyền thông về biển và đại dương tại địa phương.

3. Nguồn vốn viện trợ và nguồn vốn hợp pháp khác được sử dụng có hiệu quả theo đề xuất của nhà tài trợ và nhu cầu thực tế của công tác truyền thông về biển và đại dương.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban chỉ đạo quốc gia về thực hiện Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 chỉ đạo toàn diện việc tổ chức triển khai Chương trình truyền thông về biển và đại dương đến năm 2030.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì triển khai, hướng dẫn thực hiện Chương trình, tổ chức báo cáo, định kỳ sơ kết và tổng kết việc thực hiện Chương trình trên phạm vi cả nước.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng cơ chế, chính sách xã hội hóa hoạt động truyền thông về biển và đại dương.

c) Xây dựng cơ sở dữ liệu về biển và đại dương (tài nguyên, môi trường); hệ thống tài liệu truyền thông cụ thể về biển và đại dương.

d) Định kỳ tổ chức Diễn đàn phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam nhằm đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW và Nghị quyết số 26/NQ-CP; tổ chức xét, trao tặng Giải thưởng Việt Nam về biển và đại dương.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để thực hiện các nhiệm vụ, dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư công để triển khai Chương trình. Bộ Tài chính phối hợp với các cơ quan liên quan trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí kinh phí thường xuyên theo khả năng ngân sách nhà nước; Bộ Khoa học và Công nghệ bố trí kinh phí từ nguồn vốn sự nghiệp khoa học và công nghệ để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước hiện hành.

4. Bộ Ngoại giao chủ trì và phối hợp với các bộ, ngành liên quan thực hiện hoạt động truyền thông quốc tế về biển và đại dương; tham gia các diễn đàn quốc tế về biển và đại dương, phát triển bền vững kinh tế biển theo phân công.

5. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông

phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn, xử lý các thông tin sai trái, xuyên tạc, kích động của các thế lực thù địch, phản động về chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc, các thông tin trái với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về biển, hải đảo, cũng như luật pháp quốc tế về biển.

6. Bộ Quốc phòng phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc cung cấp các tư liệu liên quan đến công tác truyền thông, tuyên truyền bảo vệ chủ quyền và phát triển bền vững biển, đảo Việt Nam; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường thông tin, tuyên truyền trên không gian mạng về bảo vệ chủ quyền biển, đảo; phối hợp với các ban, bộ, ngành trung ương và địa phương, các cơ quan báo chí thực hiện các nội dung, nhiệm vụ đã xác định trong Chương trình.

7. Bộ Tư pháp phối hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện truyền thông chính sách pháp luật nhằm thông tin, phổ biến kịp thời các chính sách quan trọng từ khi soạn thảo các dự án, dự thảo văn bản pháp luật về biển và đại dương; truyền thông các vấn đề dư luận xã hội quan tâm hoặc cần định hướng dư luận xã hội về chính sách, pháp luật nhằm tạo đồng thuận xã hội.

8. Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan chỉ đạo, hướng dẫn công tác thông tin, truyền thông về biển và đại dương trên các phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống thông tin cơ sở.

b) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện nhanh việc chuyển đổi số công tác truyền thông, trong đó có truyền thông về biển và đại dương.

c) Chủ trì thực hiện một số chương trình, sự kiện tuyên truyền trong nước và tuyên truyền đối ngoại về biển, đảo, kết hợp sử dụng đa dạng các hình thức truyền thông tại các địa điểm trong nước và nước ngoài; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan biên soạn, xuất bản, phát hành các ấn phẩm, sản phẩm thông tin, truyền thông về biển, đảo.

9. Các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giao thông vận tải; Công Thương; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ có liên quan xây dựng các kế hoạch truyền thông về các mục tiêu, giải pháp phát triển bền vững từng ngành kinh tế biển được xác định trong Nghị quyết số 36-NQ/TW (du lịch và dịch vụ biển, kinh tế hàng hải, khai thác dầu khí và các tài nguyên khoáng sản biển khác, nuôi trồng và khai thác hải sản, công nghiệp ven biển, năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới).

10. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

a) Xây dựng, tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch truyền thông về biển và đại dương tại địa phương.

b) Chỉ đạo và tạo điều kiện cho các cơ quan truyền thông, đơn vị quản lý bảo tàng, di tích lịch sử tại địa phương cung cấp thông tin về biển, đại dương, phát triển bền vững kinh tế biển tới các tổ chức và người dân trên địa bàn.

c) Bố trí và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp về kinh phí thực hiện nhiệm vụ truyền thông về biển và đại dương tại địa phương từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

11. Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan thông tin truyền thông khác

a) Xây dựng kế hoạch, dành thời lượng phát sóng, cung cấp cho các tầng lớp xã hội thông tin về biển, đại dương, phát triển bền vững kinh tế biển.

b) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ ngành và các địa phương triển khai sản xuất, biên tập các chuyên mục, đoạn phim, phóng sự về vẻ đẹp, tiềm năng biển Việt Nam, về những thành tựu trong phát triển bền vững kinh tế biển của các ngành, địa phương.

12. Đề nghị Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam, Trung ương Hội Sinh viên Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, các tổ chức xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tích cực, chủ động tham gia tổ chức triển khai Chương trình; đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của biển và đại dương cho cán bộ hội, hội viên, đoàn viên và cộng đồng.

13. Đề nghị Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với các cơ quan của Chính phủ đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị, Nhân dân, người Việt Nam ở nước ngoài về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của biển và đại dương trong phát triển bền vững kinh tế biển và bảo vệ Tổ quốc.

14. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, các bộ, cơ quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được giao nhiệm vụ tại Quyết định này gửi báo cáo kết quả thực hiện Chương trình về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, NN (2). *MO*



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Lê Văn Thành



Phụ lục

**DANH MỤC MỘT SỐ ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN THÔNG VỀ BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG ĐẾN NĂM 2030**

(Kèm theo Quyết định số 729/QĐ-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cấp trình	Thời gian trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện
1	Dự án xây dựng Thư viện biển và đại dương (thư viện ngành)	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Cấp bộ	2022 - 2025
2	Kế hoạch/dự án truyền thông về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; bảo tồn đa dạng sinh học và phục hồi, phát triển các hệ sinh thái biển	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Cấp bộ	2022 - 2025
3	Kế hoạch/dự án truyền thông về nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ biển	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cấp bộ	2022 - 2030
4	Xây dựng hệ thống lưu trữ quốc gia về biển và đại dương	Bộ Nội vụ	Cấp bộ	2022 - 2025
5	Đề án đưa các nội dung giáo dục về biển, đại dương, kỹ năng sinh tồn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng vào chương trình các cấp học và trình độ đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Thủ tướng Chính phủ	2022 - 2025
6	Lồng ghép các nội dung truyền thông và xây dựng chương trình, giáo dục đào tạo về biển và đại dương vào trong hệ thống các trường chính trị	Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh	Cấp bộ	2022 - 2025

TT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cấp trình	Thời gian trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện
7	Lồng ghép các nội dung truyền thông và xây dựng chương trình, giáo dục đào tạo về biển và đại dương vào các trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Cấp bộ	2022 - 2025
8	Dự án xây dựng Bảo tàng chuyên về biển và đại dương	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp bộ	2025 - 2030
9	Kế hoạch/dự án truyền thông phát triển bền vững du lịch và dịch vụ biển	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp bộ	2022 - 2030
10	Kế hoạch/dự án truyền thông phát triển bền vững kinh tế hàng hải	Bộ Giao thông vận tải	Cấp bộ	2022 - 2030
11	Kế hoạch/dự án truyền thông về phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển đô thị tăng trưởng xanh, thông minh, bền vững	Bộ Xây dựng	Cấp bộ	2022 - 2030
12	Kế hoạch/dự án truyền thông về nuôi trồng và khai thác hải sản bền vững	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Cấp bộ	2022 - 2030
13	Kế hoạch/dự án truyền thông về phát triển bền vững công nghiệp ven biển	Bộ Công Thương	Cấp bộ	2022 - 2030

TT	Tên đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cấp trình	Thời gian trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện
14	Kế hoạch/dự án truyền thông về năng lượng tái tạo	Bộ Công Thương	Cấp bộ	2022 - 2030
15	Kế hoạch/dự án tuyên truyền về biển và hải đảo, bảo vệ quyền, lợi ích của Việt Nam trên Biển Đông giai đoạn 2022 - 2025	Bộ Thông tin và Truyền thông	Cấp bộ	2022 - 2025
16	Kế hoạch/dự án truyền thông về biển và đại dương của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Cấp tỉnh	2022 - 2030